BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

THÔNG CÁO BÁO CHÍ
CHỈ SỐ GIÁ SINH HOẠT THEO KHÔNG GIAN NĂM 2023

Chỉ số giá sinh hoạt theo không gian (viết tắt theo tiếng Anh là SCOLI)[1] là chỉ tiêu tương đối (tính bằng %) phản ánh sự chênh lệch giá hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng phục vụ đời sống hằng ngày của người dân giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, giữa các vùng kinh tế - xã hội trong một thời gian nhất định (thường là một năm). Chỉ số SCOLI phục vụ hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội, đánh giá kết quả thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo, trợ cấp khó khăn, trợ cấp tiền lương. Đồng thời, chỉ số này còn là cơ sở để tính Chỉ số phát triển con người (HDI) và Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (GRDP) theo sức mua tương đương. Các doanh nghiệp có thể sử dụng chỉ số SCOLI để đánh giá tính cạnh tranh liên quan đến giá, thị phần, chi phí sản phẩm; các cá nhân có thể sử dụng chỉ số SCOLI để thương lượng về mức tiền công và xem xét khả năng di cư giữa các địa phương…

Chỉ số SCOLI năm 2023 được biên soạn cho 6 vùng kinh tế - xã hội, trong đó so sánh giá của 5 vùng với vùng Đồng bằng sông Hồng và biên soạn cho 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, so sánh giá của 62 địa phương với Hà Nội. Kết quả biên soạn chỉ số SCOLI năm 2023 cho thấy, vùng Đồng bằng sông Hồng có chỉ số SCOLI cao nhất, vùng Đồng bằng sông Cửu Long có chỉ số SCOLI thấp nhất. Năm địa phương có mức giá cao nhất cả nước trong năm 2023 là Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Hải Phòng và Bình Dương; Năm địa phương có mức giá thấp nhất cả nước là Bến Tre, Nam Định, Quảng Trị, Sóc Trăng và Gia Lai.

1. Chỉ số SCOLI theo vùng kinh tế - xã hội (Đồng bằng sông Hồng = 100)

Năm 2023, thứ tự đắt đỏ giữa các vùng kinh tế - xã hội không biến động nhiều so với năm 2022. Trong đó, vùng Đồng bằng sông Hồng tiếp tục giữ vị trí có giá cả đắt đỏ nhất cả nước. Vị trí thứ hai là vùng Đông Nam Bộ với chỉ số SCOLI năm 2023 bằng 99,97%, tiếp theo là Trung du và miền núi phía Bắc 99,86%, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung 98,08%, Tây Nguyên 97,67% và cuối cùng là vùng Đồng bằng sông Cửu Long 95,93%.

[1] Là chỉ tiêu thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

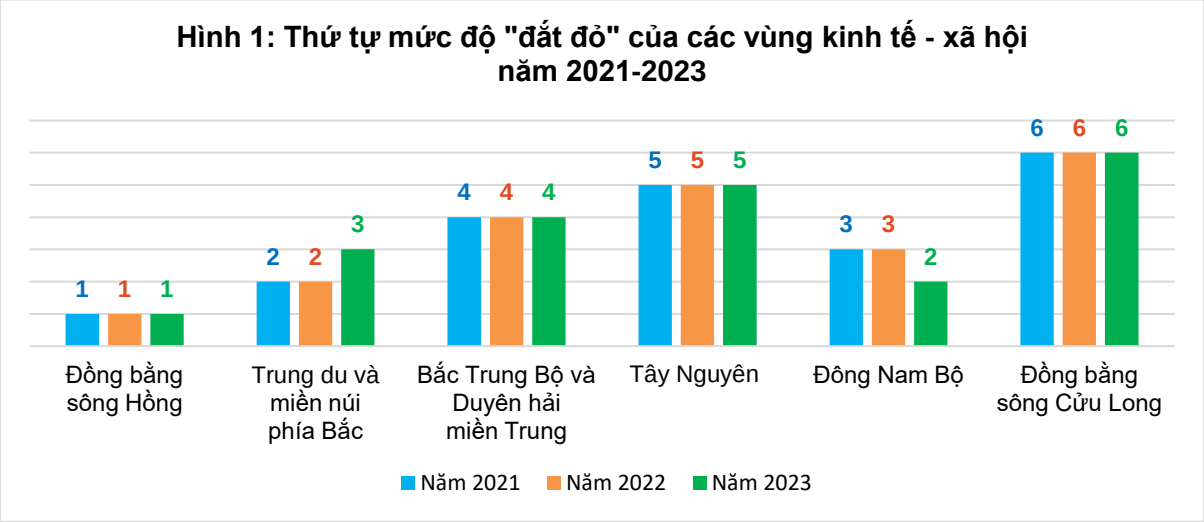

Vùng Đông Nam Bộ có chỉ số SCOLI năm 2023 bằng 99,97%, thấp hơn vùng Đồng bằng sông Hồng. Vùng Đông Nam Bộ là vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, là đầu mối giao thương, kết nối trong nước và quốc tế thông qua hệ thống cảng biển, là đầu tàu kinh tế, trung tâm công nghiệp, khoa học công nghệ, đổi mới với nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất lớn nhất cả nước. Theo đó, nguồn cung hàng hóa dồi dào đáp ứng đủ nhu cầu của người dân với mức giá thấp hơn vùng Đồng bằng sông Hồng. Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 7 nhóm hàng có mức giá bình quân thấp hơn Đồng bằng sông Hồng: Nhóm may mặc, mũ nón và giày dép bằng 89,02%; bưu chính, viễn thông bằng 94,15%; thiết bị và đồ dùng gia đình bằng 99,06%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống bằng 99,21%; giao thông bằng 99,31%; thuốc và dịch vụ y tế bằng 99,69%; đồ uống và thuốc lá bằng 99,89%. Có 4 nhóm hàng có mức giá bình quân cao hơn vùng Đồng bằng sông Hồng, bao gồm: Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch bằng 108,72%; nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng bằng 103,62%; giáo dục bằng 102,84%; hàng hóa và dịch vụ khác bằng 102,49%.

Chỉ số SCOLI năm 2023 của vùng Trung du và miền núi phía Bắc bằng 99,86%. Những năm qua, Nhà nước đã ưu tiên tập trung nguồn lực đầu tư hạ tầng giao thông vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Các tuyến giao thông đường bộ quan trọng được đầu tư hoàn thành, đặc biệt là các tuyến cao tốc góp phần phát triển kinh tế - xã hội của vùng. Nhờ đó, hàng hóa được thông thương thuận lợi, người dân có thể mua hàng hóa tiêu dùng với mức giá thấp hơn, bán nông lâm sản giá cao hơn, góp phần phát triển kinh tế và nâng cao mức sống của người dân. Các nhóm hàng hóa của vùng Trung du và miền núi phía Bắc có giá bình quân thấp hơn vùng Đồng bằng sông Hồng bao gồm: Nhóm bưu chính viễn thông bằng 93,85%; may mặc, mũ nón, giày dép bằng 96,62%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng bằng 97%; thuốc và dịch vụ y tế bằng 98,2%; hàng hóa và dịch vụ khác bằng 99,02%; giáo dục bằng 99,69%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống bằng

99,73%. Có 4 nhóm hàng có mức giá bình quân cao hơn vùng Đồng bằng sông Hồng: Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình bằng 104,31%; đồ uống và thuốc lá bằng 103,93%; văn hóa, giải trí và du lịch bằng 103,86%; giao thông bằng 101,54%.

Tiếp theo là vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung với chỉ số SCOLI năm 2023 bằng 98,08%. Tiềm năng, lợi thế của vùng là kinh tế biển, được khai thác có hiệu quả để trở thành nguồn nội lực quan trọng cho phát triển kinh tế. Do đó, giá lương thực, thực phẩm, đặc biệt là các mặt hàng thủy hải sản tươi sống và chế biến, ăn uống ngoài gia đình có mức giá thấp. Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống bằng 95,67% vùng Đồng bằng sông Hồng; nhóm may mặc, mũ nón và giày dép bằng 89,38%; nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng bằng 99,69%; nhóm bưu chính, viễn thông bằng 90,68%; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác bằng 99,93%. Ở chiều ngược lại, một số nhóm hàng có mức giá bình quân cao hơn vùng Đồng bằng sông Hồng bao gồm: Nhóm đồ uống và thuốc lá bằng 105,16%; thiết bị và đồ dùng gia đình bằng 102,39%; thuốc và dịch vụ y tế bằng 101,89%; giao thông bằng 101,51%; giáo dục bằng 100,13%; văn hóa, giải trí và du lịch bằng 101,27%.

Chỉ số SCOLI của vùng Tây Nguyên năm 2023 bằng 97,67%, thấp hơn mức giá của vùng Đồng bằng sông Hồng, tập trung chủ yếu ở các nhóm hàng sau: Nhóm bưu chính, viễn thông bằng 82,86%; giáo dục bằng 89,39%; may mặc, mũ nón và giày dép bằng 91,1%; thuốc và dịch vụ y tế bằng 95,59%; văn hóa, giải trí và du lịch bằng 97,69%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống bằng 98,69%; đồ uống và thuốc lá bằng 99,67%. Một số nhóm hàng có mức giá bình quân cao hơn vùng Đồng bằng sông Hồng: Nhóm giao thông bằng 100,18%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng bằng 100,61%; thiết bị và đồ dùng gia đình bằng 101,83%; hàng hóa và dịch vụ khác bằng 104,77%.

Vùng Đồng bằng sông Cửu Long có chỉ số SCOLI thấp nhất cả nước trong nhiều năm nay, chỉ bằng 95,93% vùng Đồng bằng sông Hồng. Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 7 nhóm hàng có mức giá bình quân thấp hơn vùng Đồng bằng sông Hồng. Cụ thể: Nhóm may mặc, mũ nón và giày dép bằng 82,78%; bưu chính, viễn thông bằng 92,31%; giáo dục bằng 93,44%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống bằng 93,95%; hàng hóa và dịch vụ khác bằng 95,47%; giao thông bằng 96,08%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng bằng 99,47%. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long có chỉ số SCOLI thấp nhất cả nước chủ yếu do đây là vùng có địa hình bằng phẳng, điều kiện khí hậu và thủy văn thuận lợi cho việc thâm canh tăng vụ trong sản xuất nông nghiệp. Là vùng sản xuất và xuất khẩu lương thực, thực phẩm, thủy hải sản và trái cây lớn nhất của cả nước nên các mặt hàng lương thực, thực phẩm và ăn uống ngoài gia đình có mức giá thấp so với các vùng kinh tế khác.

Trong những năm gần đây, thương mại điện tử được mở rộng và trở thành phương thức mua bán phổ biến của người dân. Sự phát triển của thương mại điện tử, công nghệ số đã dần chuyển đổi hành vi mua sắm của người tiêu dùng từ trực tiếp tại cửa hàng sang trực tuyến. Theo đó, việc so sánh giá của sản phẩm, dịch vụ được thực hiện với nhiều nguồn thông tin một cách nhanh chóng, đa dạng và có tính khách quan. Giá hàng hóa công khai, minh bạch, dịch vụ vận chuyển hàng hóa nhanh chóng khiến mức giá hàng hóa giữa các vùng ngày càng đồng đều hơn.

2. Chỉ số SCOLI theo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Hà Nội = 100)

Hình 2: Các địa phương có chỉ số SCOLI cao nhất và thấp nhất năm 2023

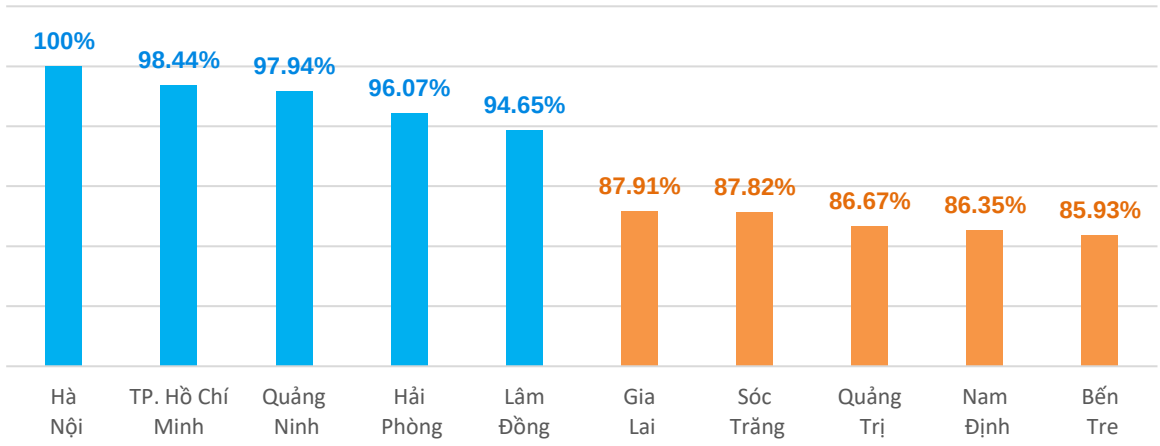

a) Một số địa phương có mức giá cao trong năm 2023

Trong 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hà Nội tiếp tục giữ vị trí dẫn đầu với mức giá đắt đỏ nhất cả nước năm 2023, thành phố Hồ Chí Minh đứng thứ 2 với chỉ số SCOLI bằng 98,44% Hà Nội. Một số nhóm hàng của thành phố Hồ Chí Minh có mức giá bình quân thấp hơn Hà Nội: May mặc, mũ nón và giày dép bằng 81,99%; văn hóa, giải trí và du lịch bằng 91,87%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống bằng 94,12%; thiết bị và đồ dùng gia đình bằng 94,93%. Thành phố Hồ Chí Minh là hạt nhân của vùng kinh tế Đông Nam Bộ, nơi tập trung các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, trung tâm y tế, nguồn nhân lực dồi dào có kỹ năng, là trung tâm đầu mối dịch vụ, thương mại tầm cỡ khu vực và quốc tế. Bên cạnh nguồn cung hàng hóa phong phú đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, thành phố Hồ Chí Minh đã đẩy mạnh tổ chức kết nối cung cầu bán lẻ hàng hoá, theo đó giá tiêu dùng các mặt hàng thiết yếu có xu hướng thấp hơn so với Hà Nội. Thành phố Hồ Chí Minh có một số nhóm hàng có mức giá bình quân cao hơn Hà Nội: Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác bằng 120,52%; giáo dục bằng 116,86%; đồ uống và thuốc lá bằng 114,52%.

Đứng thứ ba cả nước là Quảng Ninh với chỉ số SCOLI bằng 97,94% Hà Nội. Trong 11 nhóm hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng chính, Quảng Ninh có 6 nhóm hàng có mức giá bình quân thấp hơn Hà Nội, bao gồm nhóm văn hóa, giải trí và du lịch

bằng 84,38%; bưu chính viễn thông bằng 91,74%; thiết bị và đồ dùng gia đình bằng 92,4%; giao thông bằng 93,7%; may mặc, mũ nón, giày dép bằng 95,9%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống bằng 97,01%. Ở chiều ngược lại, nhóm hàng hóa và dịch vụ khác bằng 114,57%; thuốc và dịch vụ y tế bằng 107,58%; nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng bằng 104%; đồ uống và thuốc lá bằng 103,61%; giáo dục bằng 103,07%. Quảng Ninh có vị trí đắt đỏ thứ ba cả nước do là tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, là một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện, trung tâm du lịch, trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước. Trong những năm qua, Quảng Ninh đã có những bước phát triển vượt bậc trên tất cả các ngành kinh tế, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng cao. Kinh tế Quảng Ninh phát triển sôi động dẫn đến mức giá một số nhóm hàng dịch vụ cao hơn so với các địa phương khác.

Tiếp theo là Hải Phòng đứng thứ 4 với chỉ số SCOLI năm 2023 bằng 96,07%. Mức giá của Hải Phòng đứng ở vị trí cao trong cả nước do Hải Phòng là một trong 5 thành phố lớn của Việt Nam, là thành phố có hệ thống tổ chức thương mại đa dạng với sự tham gia tích cực của tất cả các thành phần kinh tế. Một số nhóm hàng của Hải Phòng có mức giá bình quân thấp hơn Hà Nội: giáo dục bằng 86,18%; văn hóa, giải trí và du lịch bằng 87,47%; may mặc, mũ nón và giày dép bằng 87,56%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống bằng 94,46%; thuốc và dịch vụ y tế bằng 94,72%. Một số nhóm hàng có mức giá bình quân cao hơn Hà Nội: Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác bằng 111,94%; bưu chính viễn thông bằng 106,56%; thiết bị và đồ dùng gia đình bằng 105,13%.

Bình Dương đứng thứ 5 cả nước với chỉ số SCOLI năm 2023 bằng 94,25%, tăng mức đắt đỏ 3 bậc so với năm 2022. Hầu hết các nhóm hàng của Bình Dương đều thấp hơn Hà Nội. Trong những năm qua, Bình Dương đã tập trung khai thác lợi thế về vị trí địa lý, nâng cao hiệu quả kinh tế gắn với công tác an sinh và phúc lợi xã hội trên cơ sở đầu tư có trọng điểm; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh để phát triển nhanh, toàn diện, bền vững; giải quyết tốt các vấn đề xã hội, xoá đói giảm nghèo, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Nhờ vậy, các hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn tỉnh cũng phát triển mạnh mẽ, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng cao so với các năm trước, mức giá hàng hóa, dịch vụ cũng đắt đỏ hơn. Một số nhóm hàng có mức giá bình quân cao hơn Hà Nội: Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng cao hơn 17,71% so với Hà Nội; bưu chính viễn thông cao hơn 13,41%; hàng hóa và dịch vụ khác cao hơn 7,6%.

So với năm 2022, vị trí các địa phương có mức giá đắt đỏ trong năm 2023 không có sự thay đổi lớn. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có mức giá cao hơn các tỉnh miền núi chủ yếu ở các nhóm dịch vụ giáo dục; nhà ở thuê; dịch vụ giải trí và du lịch.

b) Một số địa phương có mức giá thấp trong năm 2023

Bến Tre là địa phương có chỉ số SCOLI năm 2023 thấp nhất cả nước, bằng 85,93% so với Hà Nội. Giá bình quân các nhóm hàng của Bến Tre so với Hà Nội trong khoảng từ 72,02% - 101,22%. Bến Tre là tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long, có điều kiện phát triển mạng lưới giao thông đường thủy và thủy lợi, phát triển các khu vực chợ nổi trên sông giúp đẩy mạnh việc tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, với điều kiện thuận lợi về thiên nhiên và địa lý, Bến Tre ngày càng phát triển về nông nghiệp, chăn nuôi, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ hàng hóa thiết yếu của người dân. Nhìn chung, giá lương thực, thực phẩm; may mặc, mũ nón, giày dép; thiết bị và đồ dùng gia đình; dịch vụ giáo dục và y tế, chi phí du lịch thấp là các yếu tố chính khiến giá bình quân của Bến Tre thấp nhất cả nước.

Địa phương có giá thấp thứ hai cả nước là Nam Định với chỉ số SCOLI năm 2023 bằng 86,35%. So với Hà Nội, giá bình quân các nhóm hàng của Nam Định ở mức 73,23%-103,25%. Tiếp theo là Quảng Trị có chỉ số SCOLI bằng 86,66% với giá bình quân các nhóm hàng ở mức 74,4%-118,17%. Ngoài ra, một số địa phương khác cũng có chỉ số SCOLI năm 2023 thấp như: Sóc Trăng (87,82%); Gia Lai (87,91%); Long An (87,97%); Nghệ An (88,34%); Hậu Giang (88,47%); Trà Vinh (88,73%); Phú Thọ (88,74%).

Nhìn chung, các địa phương có mức giá thấp trong cả nước phần lớn do các mặt hàng trong nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống; may mặc, mũ nón và giày dép; nhà ở thuê; thiết bị và đồ dùng gia đình; giao thông; bưu chính, viễn thông; dịch vụ giáo dục; dịch vụ vui chơi, giải trí có mức giá thấp.

c) Một số địa phương có mức giá biến động nhiều nhất trong năm 2023

So với năm 2022, năm 2023 có 32 địa phương biến động giảm mức độ đắt đỏ, 28 địa phương tăng mức độ đắt đỏ và 3 địa phương không biến động. Trong đó, các tỉnh biến động nhiều nhất (tăng/giảm từ 10-18 bậc) là Đồng Nai, Bạc Liêu, Lai Châu, Bình Phước, An Giang, Bắc Giang, Thanh Hóa, Long An, Cao Bằng, Đắk Nông, Hà Giang, Sơn La.

Một số địa phương năm 2023 giảm mức độ đắt đỏ hơn năm 2022 từ 10 đến 15 bậc như Lai Châu, Long An, Cao Bằng, Hà Giang, Sơn La chủ yếu có giá thấp hơn ở nhóm hàng thực phẩm, giáo dục, may mặc, mũ nón, giày dép, hàng hóa và dịch vụ khác. Trong đó, Lai Châu có chỉ số SCOLI năm 2023 thay đổi biên độ lớn nhất cả nước, giảm mức "đắt đỏ" xuống 15 bậc so với năm 2022 (trong năm 2022 xếp vị trí 19, đến năm 2023 giảm xuống vị trí 34), chủ yếu giá thấp hơn so với Hà Nội ở các nhóm may mặc, mũ nón và giày dép (74,5%); bưu chính, viễn thông (80,26%); văn hóa, giải trí và du lịch (80,59%). Long An năm 2022 ở vị trí thứ 46 nhưng đến năm 2023 xếp ở vị trí thứ 58, nguyên nhân chủ yếu do giá nhóm đồ

uống và thuốc lá bằng 70,25% so với Hà Nội; giáo dục bằng 75,57%; may mặc, mũ nón và giày dép bằng 76,14%; bưu chính viễn thông bằng 77,53%. Cao Bằng có mức đắt đỏ năm 2023 giảm 11 bậc so với năm 2022, tập trung ở giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch bằng 73,91% so với Hà Nội; hàng hóa và dịch vụ khác bằng 82,53%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống bằng 83,52%; may mặc, mũ nón và giày dép bằng 89,17%.

Một số địa phương như Đồng Nai, Bạc Liêu, An Giang, Bình Phước, Thanh Hóa, Bắc Giang, Đắk Nông có biến động tăng mức độ đắt đỏ của năm 2023 so với năm 2022 tương đối cao (từ 11-18 bậc). Thanh Hóa từ vị trí thứ 36 trong năm 2022 lên vị trí thứ 24 do giá nhóm đồ uống và thuốc lá cao hơn 15,31% so với Hà Nội; bưu chính, viễn thông cao hơn 7,15%. Bình Phước từ vị trí thứ 36 trong năm 2022 lên vị trí thứ 23 do nhóm hàng hóa và dịch vụ khác cao hơn 5,06% so với Hà Nội. Đồng Nai từ vị trí thứ 25 trong năm 2022 lên vị trí thứ 7 trong năm 2023 do nhóm hàng hóa và dịch vụ khác cao hơn 11,19% so với Hà Nội; nhóm thuốc và dịch vụ y tế cao hơn 2,61%; nhóm giáo dục cao hơn 1,14%.

Kinh tế - xã hội nước ta năm 2023 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức. Xung đột quân sự Nga - Ucraina vẫn tiếp diễn cùng với bất ổn gia tăng tại Trung Đông. Nhiều quốc gia duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, tổng cầu suy yếu, kinh tế tăng trưởng chậm trong khi thị trường tài chính tiền tệ, bất động sản tại một số nước tiềm ẩn nhiều rủi ro. Tình trạng thời tiết cực đoan diễn ra ở nhiều nơi, hạn hán kéo dài trên phạm vi rộng, bão lũ, thiên tai ở các quốc gia làm cho sản xuất và tiêu dùng lương thực mất cân đối. Lạm phát toàn cầu trong năm 2023 có xu hướng giảm dần sau thời gian các nước đồng loạt tăng lãi suất để kiềm chế lạm phát cùng với giá năng lượng giảm. Nhưng so với mục tiêu dài hạn, mức lạm phát hiện tại vẫn ở mức cao đối với nhiều quốc gia.

Trong nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chủ động, quyết liệt chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương thực hiện công tác quản lý, điều hành giá thận trọng, phối hợp chặt chẽ, hài hòa với các mục tiêu chung, đảm bảo mặt bằng giá cả thị trường, kiểm soát lạm phát năm 2023 ở mức 3,25%, đạt mục tiêu Quốc hội đặt ra. Bên cạnh đó, hàng hóa tiêu dùng dồi dào với hệ thống phân phối đa dạng nên mức giá hàng hóa, dịch vụ của các địa phương không biến động nhiều. Do vậy, chỉ số SCOLI năm 2023 của các vùng kinh tế - xã hội không thay đổi nhiều so với năm 2022./.

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Biểu 1

CHỈ SỐ GIÁ SINH HOẠT THEO KHÔNG GIAN (SCOLI) THEO VÙNG KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023 (VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG = 100)

Đơn vị tính: %

	Đồng bằng sông Hồng	Trung du và miền núi phía Bắc	Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
CHỈ SỐ CHUNG	**100.00**	**99.86**	**98.08**	**97.67**	**99.97**	**95.93**
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	100.00	99.73	95.67	98.69	99.21	93.95
Đồ uống và thuốc lá	100.00	103.93	105.16	99.67	99.89	102.84
May mặc, mũ nón và giày dép	100.00	96.62	89.38	91.10	89.02	82.78
Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	100.00	97.00	99.69	100.61	103.62	99.47
Thiết bị và đồ dùng gia đình	100.00	104.31	102.39	101.83	99.06	101.57
Thuốc và dịch vụ y tế	100.00	98.20	101.89	95.59	99.69	101.45
Giao thông	100.00	101.54	101.51	100.18	99.31	96.08
Bưu chính, viễn thông	100.00	93.85	90.68	82.86	94.15	92.31
Giáo dục	100.00	99.69	100.13	89.39	102.84	93.44
Văn hoá, giải trí và du lịch	100.00	103.86	101.27	97.69	108.72	102.78
Hàng hóa và dịch vụ khác	100.00	99.02	99.93	104.77	102.49	95.47

Biểu 2

CHỈ SỐ GIÁ SINH HOẠT THEO KHÔNG GIAN (SCOLI)
CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NĂM 2023
(THÀNH PHỐ HÀ NỘI = 100)

Đơn vị tính: %

	Năm 2023		Năm 2023
Đồng bằng sông Hồng			
Hà Nội	100.00	Quảng Nam	89.78
Vĩnh Phúc	90.74	Quảng Ngãi	89.36
Bắc Ninh	92.97	Bình Định	89.04
Quảng Ninh	97.94	Phú Yên	90.70
Hải Dương	90.70	Khánh Hòa	92.33
Hải Phòng	96.07	Ninh Thuận	89.61
Hưng Yên	90.08	Bình Thuận	92.00
Thái Bình	90.33	***Tây Nguyên***	
Hà Nam	91.17	Gia Lai	87.91
Nam Định	86.35	Đắk Lắk	90.04
Ninh Bình	90.50	Đắk Nông	90.36
Trung du và miền núi phía Bắc		Kon Tum	93.01
Hà Giang	90.90	Lâm Đồng	92.96
Cao Bằng	90.53	***Đông Nam Bộ***	
Bắc Kạn	90.65	Bình Phước	92.14
Tuyên Quang	91.40	Tây Ninh	90.02
Lào Cai	93.22	Bình Dương	94.25
Yên Bái	91.19	Đồng Nai	93.54
Thái Nguyên	92.37	Bà Rịa - Vũng Tàu	92.97
Lạng Sơn	92.63	TP Hồ Chí Minh	98.44
Bắc Giang	91.40	***Đồng bằng sông Cửu Long***	
Phú Thọ	88.74	Long An	87.97
Điện Biên	93.37	Tiền Giang	93.27
Lai Châu	91.16	Bến Tre	85.93
Sơn La	92.83	Trà Vinh	88.73
Hòa Bình	91.72	Vĩnh Long	89.26
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung		Đồng Tháp	89.33
Thanh Hóa	92.09	An Giang	91.92
Nghệ An	88.34	Kiên Giang	92.18
Hà Tĩnh	91.40	Cần Thơ	91.26
Quảng Bình	92.85	Hậu Giang	88.47
Quảng Trị	86.66	Sóc Trăng	87.82
Thừa Thiên - Huế	93.65	Bạc Liêu	92.51
Đà Nẵng	93.51	Cà Mau	89.17

Biểu 3

BẢNG XẾP HẠNG CHỈ SỐ GIÁ SINH HOẠT THEO KHÔNG GIAN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NĂM 2021-2023

	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Đồng bằng sông Hồng			
Hà Nội	1	1	1
Vĩnh Phúc	39	30	36
Bắc Ninh	13	18	13
Quảng Ninh	2	2	3
Hải Dương	34	28	37
Hải Phòng	5	11	4
Hưng Yên	48	41	44
Thái Bình	45	48	43
Hà Nam	52	42	33
Nam Định	58	59	62
Ninh Bình	33	34	41
Trung du và miền núi phía Bắc			
Hà Giang	25	25	35
Cao Bằng	20	29	40
Bắc Kạn	15	32	39
Tuyên Quang	27	27	28
Lào Cai	6	15	11
Yên Bái	30	23	32
Thái Nguyên	34	24	20
Lạng Sơn	8	13	18
Bắc Giang	42	40	28
Phú Thọ	55	53	54
Điện Biên	10	12	9
Lai Châu	24	19	34
Sơn La	7	7	17
Hòa Bình	18	22	27
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung			
Thanh Hóa	49	36	24
Nghệ An	43	51	57
Hà Tĩnh	22	31	28
Quảng Bình	12	10	16
Quảng Trị	59	63	61
Thừa Thiên - Huế	14	6	6

Biểu 3 *(Tiếp theo)*

BẢNG XẾP HẠNG CHỈ SỐ GIÁ SINH HOẠT THEO KHÔNG GIAN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NĂM 2021-2023

	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Đà Nẵng	4	4	8
Quảng Nam	38	43	47
Quảng Ngãi	51	44	49
Bình Định	37	45	53
Phú Yên	43	38	37
Khánh Hòa	8	16	21
Ninh Thuận	40	47	48
Bình Thuận	21	19	25
Tây Nguyên			
Gia Lai	57	56	59
Đắk Lắk	53	48	45
Đắk Nông	46	53	42
Kon Tum	23	21	12
Lâm Đồng	19	9	15
Đông Nam Bộ			
Bình Phước	31	36	23
Tây Ninh	56	55	46
Bình Dương	16	8	5
Đồng Nai	26	25	7
Bà Rịa-Vũng Tàu	11	5	13
TP.Hồ Chí Minh	3	3	2
Đồng bằng sông Cửu Long			
Long An	32	46	58
Tiền Giang	29	17	10
Bến Tre	60	61	63
Trà Vinh	63	61	55
Vĩnh Long	54	52	51
Đồng Tháp	47	57	50
An Giang	36	39	26
Kiên Giang	17	14	22
Cần Thơ	27	33	31
Hậu Giang	62	58	56
Sóc Trăng	61	60	60
Bạc Liêu	41	35	19
Cà Mau	50	50	52